TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 204/2024/DS-PT
Ngày 08 – 5 – 2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản quyền sử dụng đất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Nguyễn Trọng Quế

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Công Tấn là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trầm Trọng K, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trầm Văn O, sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Trần Phú N, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Ông Trầm Vũ K1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

3. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

4. Ông Lý Văn G, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1943 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Trầm Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Lữ Thị N3 (vắng mặt).

8. Ông Võ Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

9. Bà Huỳnh Thị N4, sinh năm 1960 (vắng mặt).

10. Ông Võ Văn M, sinh năm 1957 (vắng mặt).

11. Bà Tô Thị Bé N5, sinh năm 1960 (vắng mặt).

12. Bà Mai Thị T1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

13. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1970 (có mặt).

14. Ông Nguyễn Văn K2 (vắng mặt).

15. Bà Đỗ Thị X (vắng mặt).

16. Ông Đỗ Văn M1, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

17. Bà Trầm Ngọc H1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

18. Bà Trầm Thị T2, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

19. Ông Trầm Văn T3 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T3:

19.1. Bà Nguyễn Thị N6, sinh năm 1951 (vắng mặt).

19.2. Bà Trầm Mộng N7, sinh năm 1974 (vắng mặt).

19.3. Bà Trầm Mộng C, sinh năm 1976 (vắng mặt).

19.4. Ông Trầm Văn D, sinh năm 1978 (vắng mặt).

19.5. Ông Trầm Trọng K, sinh năm 1982 (có mặt).

19.6. Ông Trầm Trung L1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

19.7. Ông Trầm Quốc P, sinh năm 1986 (vắng mặt).

19.8. Bà Trầm Cẩm L2, sinh năm 1990 (vắng mặt).

19.9. Bà Trầm Kim Y, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

20. Ông Trầm Văn D1, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

21. Bà Trầm Thị L3, sinh năm 1953 (vắng mặt).

22. Bà Trầm Thị N8 (tên gọi khác: H2), sinh năm 1942 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo*: Ông Trầm Văn O là bị đơn, ông Trần Thanh L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trầm Trọng K trình bày:*

Ông Trầm Văn N9 (chết năm 2008) và bà Đỗ Thị C1 (chết năm 2004) là ông bà nội của ông có tạo lập được 01 phần đất thuộc thửa số 521, tờ bản đồ 009B, có diện tích 16.720m^2, theo đo đạc thực tế phần đất thuộc thửa số 263, 264, 265, 266, tờ bản đồ số 02, có diện tích 18507,6m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Ông Trầm Văn N9 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/6/1995 và 01 phần đất có diện tích khoảng 7.000m^2, toạ lạc ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N9 và bà C1 có tất cả 07 người con gồm: Bà Trầm Thị N8, bà Trầm Thị L3, ông Trầm Thanh H3 (đã chết, có 02 người con là bà Trầm Thị T2 và bà Trầm Ngọc H1), ông Trầm Văn T3, ông Trầm Văn D1, ông Trầm Văn C2 (đã chết, không vợ con) và ông Trầm Văn O. Ông Trần Văn O1 là con trai út tự ý cất nhà ở riêng vào năm 1999 nên năm 2002 ông N9 và bà C1 mới kêu ông về sống chung cùng với ông N9 và bà C1 để chăm sóc, nuôi dưỡng ông, bà khi tuổi già. Vào ngày 21/01/2003 âm lịch, ông N9 và bà C1 có lập "Tờ vi chúc" phân chia đất như sau: Chia cho bà Trầm Thị N8 phần đất trồng cây lâu năm có chiều ngang 31 mét, dài 144 mét, có diện tích 4.464m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P; chia cho bà Trầm Thị L3 diện tích đất 3.500m^2, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P; chia cho ông Trầm Văn O 02 phần đất trong đó phần đất chiều ngang 21 mét, dài 144 mét, với diện tích 3.024m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P và phần đất có diện tích 3.500m^2, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P; phần đất còn lại ở ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau được chia cho ông để nuôi dưỡng và thờ cúng ông N9 và bà C1. Sau khi di chúc được lập, bà N8 và bà L3 cùng ông O đã nhận đất theo nội dung di chúc nhưng chưa tách quyền sử dụng đất. Khi lập di chúc có mặt của ông Trầm B (đã chết), ông Đỗ Văn T4 (đã chết), ông N9, bà C1, bà Trầm Thị N8, bà Trầm Thị L3, ông Trầm Thanh H3 (đã chết), ông Trầm Văn T3 (là cha ruột ông), ông Trầm Văn D1 và ông Trầm Văn O. Ai cũng thống nhất việc phân chia của ông N9 bà C1 trực tiếp ký tên. Di chúc được ông Lữ Văn L4 là Trưởng ban N12, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau đã xác nhận ngày 08/7/2004, đến ngày 09/7/2004 Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau chứng thực. Ông sống cùng và nuôi dưỡng ông N9, bà C1 đến khi bà C1 chết. Khoảng cuối năm 2004, bà N8 đuổi ông về sống cùng với cha ruột ông là Trầm Văn T3. Ông N9 canh tác đất cùng với bà N8, bà L3. Sau khi ông N9 chết vào năm 2008, ông cho ông O mượn phần đất trên để canh tác và có làm giấy ủy quyền cho ông O mượn đất canh tác, khi nào ông O chết thì phải giao phần đất đó lại cho ông, giấy ủy quyền hiện tại do ông O giữ. Ông O sang bán phần đất của ông nên ông ngăn cản. Trên phần đất ông được chia theo di chúc, vào năm 2008 bà N8 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N2 (hiện do ông Trầm Thanh L5 và bà Mai Thị T1 đang quản lý, sử dụng) diện tích theo đo đạc thực tế là 3.664,8m^2.

Nay ông yêu cầu giải quyết:

- Công nhận "tờ vi chúc" được lập vào ngày 21/01/2003 (âm lịch) của ông Trầm Văn N9 và bà Đỗ Thị C1 là hợp pháp.

- Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trầm Thị N8 với bà Nguyễn Thị N2 ngày 24/4/2008; buộc bà Nguyễn Thị N2, ông Trầm Thanh L5 và bà Mai Thị T1 trả lại cho ông phần đất diện tích 3.659,9m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau; buộc ông L5 và bà T1 phải tháo dỡ, di dời tài sản là 02 chuồng gà và 01 chuồng dê để trả lại đất cho ông nhưng không yêu cầu ông L5, bà T1 tháo dỡ, di dời nhà mà vẫn giữ nguyên hiện trạng cho ông L5 và bà T1 quản lý, sử dụng; các cây trồng trên đất của ông L5 và bà T1 gồm: 02 cây ổi, 01 cây vú sữa, 02 cây khế, 03 cây bông giấy, 03 cây cau, 01 cây mận, 01 bụi bông trang, 01 cây mít, 04 cây xoài, 03 cây dừa, 01 cây mãng cầu, ông đồng ý nhận và hoàn trả lại giá trị cho ông L5 và bà T1 theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Đ với số tiền là 4.713.000 đồng.

- Yêu cầu ông Trầm Văn O và bà Tô Thị Bé N5 trả lại cho ông phần đất có diện tích là 6.807,9m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Các cây trồng trên đất của ông O và bà Bé N5 có trên đất gồm: 01 cây ổi, 01 cây dừa, 01 bụi trúc, 04 cây bạch đằng, 01 cây keo lai; 05 bụi chuối, các tài sản này ông đồng ý nhận và hoàn trả lại giá trị cho ông O và bà B1 Năm theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Đ số tiền là 1.575.000 đồng.

- Yêu cầu bà Trầm Thị N8 và bà Trầm Thị L3 trả lại cho ông phần đất có diện tích đất là 67,7m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Ông không yêu cầu bà N8, bà L3 phải tháo dỡ, di dời nhà mà vẫn giữ nguyên hiện trạng cho bà N8 và bà L3 sử dụng.

- Bị đơn ông Trầm Văn O và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Ông Trầm Văn N9 và bà Đỗ Thị C1 là cha mẹ ruột của ông Trầm Văn O có tạo lập được 02 phần đất đúng như ông Trầm Trọng K đã trình bày. Đối với phần đất có diện tích khoảng 7.000m^2 thuộc ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì từ trước đến nay vẫn do ông Trầm Văn O và bà Trầm Thị L3 mỗi người quản lý, sử dụng khoảng 3.500m^2, ông O không có yêu cầu. "Tờ vi chúc" được lập vào ngày 21/01/2003 (al) do ông N9 và bà C1 lập là có sự thật, chữ ký của ông N9 và bà C1 là đúng. Ông O có ký tên vào tờ di chúc và đúng thành phần như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, di chúc được lập vào ngày 21/01/2003 (al) nhưng đến ngày 08/7/2004 mới được Trưởng Ban N12, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau xác nhận và đến ngày 09/7/2004 Ủy ban nhân dân xã T, huyện P xác nhận là không phù hợp. Sau khi lập di chúc, ông K về chung sống nuôi dưỡng ông N9 và bà C1 được khoảng 3-4 tháng. Ông K không thực hiện đúng việc nuôi dưỡng ông N9 và bà C1 nên sau khi bà C1 chết vào năm 2004, ông N9 lấy lại tờ di chúc nhưng ông T3 không trả lại nên ông N9 đã trình báo với ông Lữ Văn L4 là Trưởng ấp. Ông O nuôi dưỡng ông N9, bà C1 đến khi chết và đồng thời canh tác phần đất cho đến nay. Đến ngày 21/8/2008, bà N8 và ông O chuyển nhượng cho ông T5

Thanh Liêm phần đất chiều ngang 27 mét, dài 144 mét với diện tích 3.888m^2 với số tiền 34.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có làm giấy tay, mục đích chuyển nhượng đất cho ông L5 để lấy tiền chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ N10 hang từ khoản nợ của bà Đỗ Thị C1. Di chúc ngày 21/01/2003 (al) phân chia cho ông O phần đất có diện tích 3.024m^2, giáp với phần đất của ông Đỗ Văn M1, bà N8 được chia phần đất liền kề với đất ông O diện tích 4.464m^2 nhưng giữa ông O với bà N8 hoán đổi đất với nhau để bà N8 chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn M1 vào ngày 16/7/2010. Phần đất bà N8 chuyển nhượng cho ông M1 có chiều ngang 31 mét, dài 144 mét, diện tích 4.464m^2, với số tiền 60.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng với ông Đỗ Văn M1 có làm giấy tay có mặt ông T3, ông O và bà N8 và được ông Lữ Văn L4 xác nhận. Đến năm 2021, ông O có chuyển nhượng cho ông Võ Văn M và bà Huỳnh Thị N4 01 phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 605,3m^2. Năm 2019, ông Trầm Văn D là con ruột của ông Trầm Văn T3 đã nhận chuyển nhượng của ông O và bà B1 Năm phần đất nền với diện tích là 150m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau với số tiền 70.000.000 đồng, vào tháng 4 năm 2019 ông O đã nhận tiền cọc của ông D số tiền 23.000.000 đồng, khi nào bàn giao đất sẽ giao đủ số tiền còn lại. Vào ngày 22/8/2017, ông T3, ông D1, ông O và bà N8 có ký tên vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản, từ chối nhận toàn bộ phần đất và giao toàn bộ phần đất theo đo đạc thực tế là 19.301,1m^2 (trong đó bao gồm phần đất chuyển nhượng cho ông M1 và ông L5) cho ông Trầm Văn O đứng tên quyền sử dụng đất và ông O có trách nhiệm chuyển tên lại cho ông M1 và ông L5. Nay, ông Trầm Văn O không chấp nhận việc phân chia đất theo di chúc và không chấp nhận trả đất theo yêu cầu của ông K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Bé N5:* thống nhất với lời trình bày của ông Tô Văn P1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm Văn T3 trình bày:* Ông là con ruột của ông N9 và bà C1, là cha ruột của ông K. Do ông O là con trai út nhưng từ năm 1999 đã dọn ra sống riêng, không nuôi dưỡng ông N9 và bà C1 nên ông N9 và bà C1 mới kêu ông K về nuôi dưỡng từ năm 2002. Vào ngày 21/01/2003 (al), ông N9 và bà C1 lập di chúc chia đất. Ông K thực hiện đúng theo nội dung di chúc là chăm sóc, nuôi dưỡng ông N9 và bà C1 nhưng do bà N8 có ý định muốn bán 01 phần trong phần đất 16.720m^2 nên đã đuổi ông K. Vào ngày 22/8/2017, ông, ông D1, ông O và bà N8 có ký tên vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản để tách quyền sử dụng đất cho ông O theo di chúc năm 2003 và tách phần đất chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn M1. Ông không có yêu cầu chia thừa kế phần đất này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trầm Thị N8 trình bày:*

Bà là con ruột của ông Trầm Văn N9 và bà Đỗ Thị C1, ông N9 và bà C1 có tạo lập được 02 phần đất đúng như ông K và ông O đã khai. Ông N9 và bà C1 có lập di chúc vào ngày 21/01/2003 âm lịch để phân chia 02 phần đất nói trên là có sự thật, di chúc là hợp pháp, do ông O là con trai út nhưng tự ý sống riêng từ năm 1999 nên ông N9 và bà C1 có kêu ông K về ở và lập di chúc chia đất cho

ông K. Tất cả các anh em đều có ký tên vào tờ di chúc. Theo di chúc bà được phân chia phần đất có diện tích 4.464m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nhưng sau đó do đất theo di chúc phân chia cho ông O giáp với ông Đỗ Văn M1 nên bà với ông O mới hoán đổi đất với nhau để bà chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn M1 và ông O nhận lại phần đất của bà quản lý, sử dụng. Việc đổi đất giữa bà với ông O cũng như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông Đỗ Văn M1 đã xong nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà không yêu cầu chia thừa kế hay tranh chấp gì trong vụ án này. Đối với phần diện tích đất và nhà hiện bà và bà L3 đang sử dụng diện tích 67,7m^2, bà đồng ý trả cho ông K nhưng yêu cầu được giữ y hiện trạng căn nhà để ở cho đến khi qua đời. Bà có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N2 là mẹ của ông T5 Thanh Liêm phần đất số tiền 40.000.000 đồng. Đất hiện nay do ông L5 đang sử dụng. Bà không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với bà N2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trầm Thị L3 trình bày:* Bà là con ruột của ông Trầm Văn N9 và bà Đỗ Thị C1. Ông N9 và bà C1 có tạo lập được 02 phần đất đúng như ông K và ông O đã khai. Ông N9 và bà C1 có lập di chúc vào ngày 21/01/2003 âm lịch để phân chia 02 phần đất nói trên là có sự thật, di chúc là hợp pháp, theo di chúc thì bà được phân chia phần đất 3.500m^2 thuộc ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, hiện bà đang quản lý, sử dụng nên bà không yêu cầu giải quyết phân chia. Nay bà không yêu cầu chia thừa kế hay tranh chấp gì trong vụ án này. Đối với phần diện tích đất và nhà hiện bà và bà N8 đang quản lý, sử dụng là 67,7m^2 ông K yêu cầu trả, bà đồng ý trả yêu cầu được giữ y hiện trạng căn nhà để ở cho đến khi qua đời vì bà và bà N8 không còn chỗ ở nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm Văn D1 trình bày:* Ông là con ruột của ông Trầm Văn N9 và bà Đỗ Thị C1. Ông N9 và bà C1 có tạo lập được 02 phần đất đúng như ông K và ông O đã khai, ngoài ra không còn để lại di sản nào khác và ông N9 và bà C1 có lập di chúc vào ngày 21/01/2003 âm lịch để phân chia 02 phần đất nói trên là có sự thật. Ông O đã cất nhà ở riêng từ trước khi bà C1 chết vào năm 2004 nên ông N9 và bà C1 sống cùng với bà N8 và bà L3, ông K có về sống cùng với ông N9 và bà C1 nhưng thời gian nào thì ông không nhớ nên mới có việc ông N9, bà C1 lập di chúc cho đất ông K. Nay ông không yêu cầu chia thừa kế hay tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trầm Thị T2 và bà Trầm Ngọc H1 thống nhất trình bày:* Ông Trầm Thanh H3 là cha của hai bà, chết vào năm 2009. Cha chỉ có hai bà là con. Nay, hai bà không có yêu cầu chia thừa kế hay tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M1 trình bày:* Vào khoảng năm 2008 ông có nhận chuyển nhượng từ bà Trầm Thị N8 01 phần đất ngang 31 mét, dài 144 mét, diện tích là 4.464m^2, với số tiền là 60.000.000 đồng, ông đã giao tiền đủ cho bà N8. Đến ngày 16/7/2010 mới làm giấy tay chuyển nhượng có mặt ông T3, ông O, bà N8 và ông Lữ Văn L4 là Trưởng ấp T, xã T,

huyện P, tỉnh Cà Mau chứng kiến và ký tên, ông thống nhất theo đo đạc thực tế thì phần đất có diện tích là 4693,5m^2, phần đất đến nay chưa làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà N8 ông không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N2 trình bày:* Vào ngày 24/4/2008, bà có nhận chuyển nhượng của bà Trầm Thị N8 phần đất chiều ngang 27m, diện tích theo đo đạc thực tế là 3664,8m^2, với giá 40.000.000 đồng. Ông Trầm Thanh L5 sử dụng đất là do bà cho mượn. Việc chuyển nhượng có làm giấy tay do ông Nguyễn H4 viết giùm, có bà N8, ông T3 và ông O chứng kiến và ký tên. Bà không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà với bà N8 và không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm Thanh L5 trình bày:* Vào ngày 21/8/2008 ông có nhận chuyển nhượng của ông Trầm Văn O phần đất có chiều ngang 27 mét, dài 144 mét, tổng diện tích là 3888m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau với số tiền 34.000.000 đồng. Giấy chuyển nhượng vào ngày 21/8/2008 là do ông Nguyễn H4 viết giùm. Ông canh tác đất từ năm 2008; cất nhà trên phần đất vào năm 2009. Đến năm 2021, cất nhà kiên cố. Ông đang canh đất cùng với vợ ông là bà Mai Thị T1. Nay, ông không chấp nhận trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông K. Vào ngày 26/5/2023 (al), ông và bà T1 có chuyển nhượng cho ông Lý Văn G và bà Đặng Thị H phần đất nền chiều ngang 04 mét, dài 12 mét, với diện tích là 48m^2, giá chuyển nhượng là 80.000.000 đồng. Ông G, bà H đã cất 01 căn nhà trên phần đất. Ông không yêu cầu giải quyết về hợp đồng giữa ông, bà T1 với ông G, bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T1 trình bày:* Phần đất này là do ông L5 và bà đứng ra nhận chuyển nhượng từ bà N8 và ông O với số tiền 34.000.000 đồng chứ không phải bà Nguyễn Thị N2 nhận chuyển nhượng. Nay bà không chấp nhận trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Trầm Trọng K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm Văn D trình bày:* Ông không có nhận chuyển nhượng của ông Trầm Văn O và bà Tô Thị Bé N5. Ông O và bà Bé N5 có hỏi mượn tiền của ông nhiều lần số tiền 23.000.000 đồng. Ông không có yêu cầu khởi kiện ông O và bà Bé N5 về số tiền trên trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý Văn G và bà Đặng Thị H trình bày:* Vào ngày 26/5/2023 âm lịch ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Trầm Thanh L5 và bà Mai Thị T1 01 phần đất nền chiều ngang 04 mét, dài 12 mét, với diện tích là 48m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau, giá chuyển nhượng là 80.000.000 đồng, ông, bà đã giao đủ tiền cho ông L5 và bà T1 nhận và ông, bà đã cất 01 căn nhà sinh sống trên phần đất. Việc chuyển nhượng có làm giấy tay, có ông O, bà Dương Thị S, ông Đỗ Văn T6, ông Dương Minh L6, ông Trầm Vũ K1 ký tên và Trưởng ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau xác nhận. Nay ông, bà không yêu cầu giải quyết về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, bà với ông L5 và bà T1 trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N4 trình bày:* Vào ngày 04/02/2021 bà và ông Võ Văn M có nhận chuyển nhượng của ông O và bà B1 Năm phần đất chiều ngang 5,5 mét, dài 36,5 mét, tổng diện tích 198m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau với số tiền 180.000.000 đồng, đến ngày 20/4/2021 bà và ông M tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông O và bà B1 Năm thêm phần đất chiều ngang 5,5 mét, dài 36,5 mét, tổng diện tích 198m^2, với số tiền 200.000.000 đồng. Cả hai lần nhận chuyển nhượng đều chỉ làm giấy tay chuyển nhượng, bà và ông M đều giao tiền đầy đủ cho ông O và bà Bé N5 nhận. Phần đất theo đo đạc thực tế là 605,3m^2. Bà không yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng trên trong vụ án này.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N1 trình bày:* Vào ngày 13/5/2022 bà có nhận chuyển nhượng của ông O và bà B1 Năm phần đất chiều ngang 06 mét, dài 37 mét, tổng diện tích 222m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau với số tiền 150.000.000 đồng, bà đã giao tiền đủ cho ông O và bà Bé N5, việc chuyển nhượng có làm giấy tay tại "Đơn mua bán đất" ngày 13/5/2022. Nay đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông O và bé Bé Năm bà yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T trình bày:* Ông sinh sống cùng với ông M và bà N4 trên phần đất do ông M và bà N4 nhận chuyển nhượng của ông O và bà Bé N5 vào năm 2021. Nay việc tranh chấp trong vụ án này ông không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm Vũ K1 trình bày:* Ông là con ruột của ông L5 và bà T1, ông không có quản lý, canh tác phần đất cùng với ông L5 và bà T1, nay việc tranh chấp thì ông không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trầm Trọng K về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 263, 264, 265, 266, tờ bản đồ số 02, có tổng diện tích 18507,6m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau là di sản do ông Trầm Văn N9 và bà Đỗ Thị C1 để lại.

2. Chia cho ông Trầm T7 Kha phần đất có diện tích 10535,5m^2; vị trí phần đất được xác định tại các mốc M2, M9, H8, H9, H1, H7, H6, H5, H4, H3, M19, M20, M21, M11, M12, M10, M1, T3, T4, T5, T6 của Bản trích hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

3. Buộc ông Trầm Văn O và bà Tô Thị Bé N5 trả lại cho ông Trầm T7 Kha phần đất có diện tích 6807,9m^2; vị trí phần đất được xác định tại các mốc M2, M9, H8, H9, H1, H7, H6, H5, H4, H3, M19, M20, M12', M12 của Bản trích hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

- Giao cho ông Trầm T7 Kha quản lý, sử dụng: 01 cây ổi, 01 cây dừa, 01 bụi trúc, 04 cây bạch đằng, 01 cây keo lai; 05 bụi chuối.

- Buộc ông Trầm Trọng K trả lại cho ông Trầm Văn O và bà Tô Thị Bé N5 số tiền giá trị cây trồng trên đất là 1.575.000 đồng.

4. Buộc bà Trầm Thị N8 và bà Trầm Thị L3 trả lại cho ông Trầm T7 Kha phần đất có diện tích 67,7m^2. Vị trí phần đất được xác định tại các mốc T7, T8, T9, T10 của Bản trích hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

5. Hủy giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trầm Thị N8 với bà Nguyễn Thị N2 tại "Giấy chuyển nhượng đất" vào ngày 24/4/2008, đối với phần đất có diện tích 3664,8m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Buộc bà Trầm Thị N8 trả cho bà Nguyễn Thị N2 số tiền chuyển nhượng đất là 40.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị N2, ông Trầm Thanh L5 và bà Mai Thị T1 trả lại cho ông Trầm T7 Kha phần đất có diện tích 3659,9m^2; vị trí phần đất được xác định tại các mốc M12, M12', M20, M21, M11, M2, M9, M10, M1, T3, T4, T5, T6 của Bản trích hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

- Buộc ông Trầm Thanh L5 và bà Mai Thị T1 phải tháo dỡ, di dời tài sản là 02 chuồng gà (có diện tích 16,0m^2 và 8,6m^2) và 01 chuồng dê có diện tích 34,9m^2 có trên đất để trả lại đất cho ông Trầm Trọng K.

- Giao cho ông Trầm T7 Kha quản lý, sử dụng: 02 cây ổi, 01 cây vú sữa, 02 cây khế, 03 cây bông giấy, 03 cây cau, 01 cây mận, 01 bụi bông trang, 01 cây mít, 04 cây xoài, 03 cây dừa, 01 cây mãng cầu.

- Buộc ông Trầm Trọng K trả lại cho ông Trầm Thanh L5 và bà Mai Thị T1 số tiền giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 4.713.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/02/2024, ông Trần Thanh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/02/2024, ông Trầm Văn O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Thanh L và ông Trầm Văn O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

- *Nguyên đơn ông Trầm Trọng K trình bày:* Ông rút yêu cầu khởi kiện về việc huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trầm Thị N8 với bà Nguyễn Thị N2. Ông chỉ yêu cầu nhận thừa kế phần đất có diện tích 6.875,6m^2 bao gồm các thửa số 2, 6, 9 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trầm Văn O là ông Trần Phú N trình bày:* Ông O đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện trên của ông K. Ông O rút yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm.

- *Ông Trần Thanh L trình bày:* Ông đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện trên của ông K. Ông rút yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm.

- *Bà Nguyễn Thị N2 trình bày:* Bà đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Trầm Văn O và ông Trần Thanh L. Sửa bản án sơ thẩm về yêu cầu chia thừa kế của ông K. Huỷ một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trầm Thị N8 với bà Nguyễn Thị N2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Thanh L, ông Trầm Văn O, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất do ông N9, bà C1 để lại tại ấp T, xã T, huyện P có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Trầm Văn N9 là 26.020m^2 nhưng ngày 06 tháng 7 năm 1995 được điều chỉnh còn diện tích 16.720m^2 (Bút lục số 90); theo đo đạc thực tế, phần đất có diện tích 18.507,6m^2 thuộc các thửa 263, 264, 265, 266 tờ bản đồ số 02.

[2] Vào ngày 21 tháng 01 năm 2003 (al), ông N9, bà C1 có lập "Tờ vi chúc" với nội dung: Chia cho bà N8 phần đất diện tích 4.464m^2 (ngang 31m, dài 144m); chia cho ông O phần đất diện tích 3.024m^2 (ngang 21m, dài 144m); phần diện tích còn lại 18.532m^2 chia cho cháu nội là Trầm Văn K3. Tờ di chúc trên có chữ ký của ông N9, bà C1 và tất cả các người con của ông N9, bà C1 nên di chúc trên có hiệu lực. Ông O trình bày, do ông K3 không nuôi ông N9 nên ông N9 yêu cầu ông T3 đưa lại di chúc nhưng ông T3 không đồng ý đưa lại di chúc. Tuy nhiên, đến khi ông N9 chết năm 2008, ông N9 vẫn không có lập di chúc nào khác để định đoạt lại phần di sản của mình. Do đó, di chúc ngày 21 tháng 01 năm 2003 (al) có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét quá trình thực hiện di chúc đối với phần di sản thừa kế tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau thể hiện: Sau khi có di chúc trên, bà Trầm Thị N8 đã đổi vị trí đất được phân chia với ông O để chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn M1 toàn bộ phần đất được chia theo di chúc. Hiện nay, ông Đỗ Văn M1 đang sử dụng phần đất thửa 266, tờ bản đồ số 02, theo đo đạc thực tế diện tích 4.693,5m^2. Tại hồ sơ, ông O có hợp đồng chuyển nhượng cho ông Trần Thanh L phần đất diện tích 3.888m^2 (ngang 27m, dài 144m) vào ngày 21 tháng 8 năm 2008; cùng diện tích đất này, bà N8 có hợp đồng chuyển nhượng cho bà N2

ngày 21 tháng 8 năm 2008. Phần đất chuyển nhượng này có diện tích theo đo đạc thực tế 3.664,8m^2 thuộc thửa 263 tờ bản đồ số 02, không đúng vị trí đất ông O hoán đổi đất với bà N8. Ông K3 đồng ý việc chuyển nhượng đất của bà N8 cho ông M1 nhưng yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N8 với bà N2. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chuyển nhượng hai phần đất trên đã xảy ra từ năm 2008, ông T8 là cha của ông K3 có thống nhất chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, ông M1. Ông L đã xây nhà, trồng cây trên đất ổn định, lâu dài nhưng ông K3 không phản đối hoặc có yêu cầu gì. Bà N11, ông O thừa nhận đã giao đất và đã nhận toàn bộ giá trị hợp đồng. Hơn nữa, hai phần đất được chuyển nhượng là để trả tiền vay Ngân hàng của ông N9, bà C1 nên nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N11 với bà N2 là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên toà phúc thẩm, ông K3 rút yêu cầu khởi kiện huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N11 với bà N2. Bị đơn, ông L, bà N2 đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, sự tự nguyện này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn kiện huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N11 với ông N2. Do không hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông K3 không phải trả giá trị cây trồng trên đất cho ông L, bà T1. Trong vụ án này, bà N2, ông L không có yêu cầu giải quyết tranh chấp phần đất đã nhận chuyển nhượng nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Như vậy, phần đất ông O đang quản lý là 9.544m^2 và ông O chuyển nhượng ông Võ Văn M diện tích 605,3m^2 tổng diện tích 10.149,3m^2. Theo di chúc, ông K3 được hưởng thừa kế phần đất còn lại sau khi đã chia theo di chúc nên diện tích đất thực tế 10.149,3m^2 trừ phần đất ông O được chia thừa kế diện tích 3.024m^2; phần đất còn lại diện tích 7125,3m^2. Ông K3 chỉ yêu cầu ông O, bà N5 trả phần đất diện tích 6.807,9m^2 và bà N11, bà L3 trả phần đất diện tích 67,7m^2 là ít hơn phần diện tích đất ông K3 được hưởng. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế cho nguyên đơn phần đất có diện tích 10.535,5m^2, nhưng tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu được chia thừa kế phần đất diện tích 6.875,6m^2 bao gồm các thửa số 2, 6, 9 theo Bản trích hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2 là thay đổi yêu cầu khởi kiện. Việc thay đổi này là trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần này.

[4] Đối với căn nhà số C do bà N11, bà L3 đang sử dụng. Ông K3 chỉ yêu cầu bà N11, bà L3 trả phần đất diện tích 67,7 m^2, còn căn nhà gắn liền với đất vẫn để cho bà N11, bà L3 ở, không yêu cầu tháo dỡ di dời và phần này không bị kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên toà hôm nay, ông Trần Thanh L, ông Trầm Văn O rút yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 11/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên Hội đồng xét

xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông L, ông O.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L và ông Trầm Văn O. Huỷ một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trầm Thị N8 với bà Nguyễn Thị N2 ngày 24 tháng 4 năm 2008. Sửa bản án sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trầm Trọng K được nhận thừa kế phần đất diện tích 6.875,6m^2 được định giá 678.814.236 đồng nên phải chịu án phí số tiền 31.152.500 đồng. Ông K có nộp tạm ứng số tiền 13.419.000 đồng được đối trừ, ông K còn phải nộp tiếp số tiền 17.733.500 đồng.

[8] Chi phí tố tụng: Ông Trầm Văn O, bà Tô Thị Bé N5 phải trả cho ông Trầm T7 Kha số tiền là 39.053.000 đồng.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Trần Thanh L, ông Trầm Văn O rút đơn kháng cáo tại phiên toà nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí. Ông L, ông O mỗi người có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, được chuyển thu án phí.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L, ông Trầm Văn O.

Huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trầm Thị N8 với bà Nguyễn Thị N2.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Trầm Trọng K.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trầm Trọng K.

Ông Trầm Trọng K được nhận phần đất có diện tích 6.875,6m^2 bao gồm các thửa số 2, 6, 9 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

Buộc ông Trầm Văn O và bà Tô Thị Bé N5 trả lại cho ông Trầm T7 Kha phần đất có diện tích 6807,9m^2 gồm các thửa 2, 6, 9 (trừ đất gắn liền căn nhà số C) theo Bản trích đo hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

Ông Trầm Trọng K được sử dụng 01 cây ổi, 01 cây dừa, 01 bụi trúc, 04 cây bạch đằng, 01 cây keo lai, 05 bụi chuối. Ông Trầm Trọng K trả cho ông Trầm Văn O và bà Tô Thị Bé N5 số tiền 1.575.000 đồng.

Buộc bà Trầm Thị N8 và bà Trầm Thị L3 trả lại cho ông Trầm T7 Kha phần đất gắn liền căn nhà số C có diện tích 67,7m^2. Vị trí phần đất được xác định tại các mốc T7, T8, T9, T10 theo Bản trích đo hiện trạng ngày 12/01/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P2.

2. Chi phí tố tụng: Ông Trầm Văn O và bà Tô Thị Bé N5 phải trả cho ông Trầm T7 Kha số tiền là 39.053.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong các khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trầm Trọng K phải chịu số tiền 31.152.500 đồng. Ông K có nộp tạm ứng án phí số tiền 13.119.000 đồng theo biên lai thu số 0018415 ngày 30 tháng 11 năm 2022 và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019015 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ; ông Trầm Trọng K còn phải tiếp tục nộp số tiền 17.733.500 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thanh L, ông Trầm Văn O mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/02/2024, ông L có nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003200 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu án phí. Ngày 05/02/2024, ông O có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003203 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Đặng Minh Trung